

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2023

*“v/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản của Tòa án: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bà Đàm Thị L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị H, bà H1, bà L vắng mặt, đều có quan điểm xin vắng mặt. Anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã C), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên mỗi lần nói chuyện anh chị lại xảy ra cãi nhau. Năm 2021, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2022, anh Đ cũng sang Đài Loan làm việc. Từ khi anh Đ sang Đài Loan, hai anh chị chưa lần nào gặp nhau mà chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau để nói chuyện về con cái. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 23/9/2016, hiện đang ở với bà ngoại là Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Ngọc Mai A, sinh ngày 08/10/2019, hiện đang ở với bà nội là Đàm Thị L. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T1 và giao cháu Mai A cho anh Đ nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian chị và anh Đ ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu Phương T1 cho bà Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng và tạm giao cháu Mai A cho bà Đàm Thị L nuôi dưỡng cho đến khi chị và anh Đ về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Đ ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Đ. Bà Đàm Thị L (là mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết. Quan điểm của anh Đ là do vợ chồng không còn tình cảm, nay chị H xin ly hôn thì anh Đ đồng ý. Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh và chị H đã thống nhất chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương T1, còn anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai A. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu Mai A cho bà Đàm Thị L nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H1 có quan điểm: Trong thời gian chị H không ở Việt Nam, bà đồng ý nhận ủy quyền của chị H về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương T1, đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Đàm Thị L có quan điểm: Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, bà đồng ý nhận ủy quyền của anh Đ về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Mai A, đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình Đ. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 23/9/2016 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Ngọc Mai A, sinh ngày 08/10/2019 cho anh Nguyễn Đình Đ nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian chị H, anh Đ không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Phương T1 cho bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ đẻ chị H) và tạm giao cháu Mai A cho bà Đàm Thị L (là mẹ đẻ anh Đ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị H, anh Đ về Việt Nam. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Đ đều đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh Đ đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Đàm Thị L là mẹ đẻ của anh Đ để bà L thông tin lại cho anh Đ biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Đ. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến

lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã C), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/5/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Năm 2021, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2022, anh Đ cũng sang Đài Loan làm việc. Khi ở Đài Loan, hai anh chị không lần nào gặp nhau cũng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị H và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 23/9/2016, hiện đang ở với bà ngoại là Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Ngọc Mai A, sinh ngày 08/10/2019, hiện đang ở với bà nội là Đàm Thị L. Khi ly hôn, chị H và anh Đ đều có quan điểm giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Mai A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Do chị H, anh Đ đang ở nước ngoài nên anh chị đề nghị tạm giao cháu T1 cho bà Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng và tạm giao cháu Mai A cho bà Đàm Thị L nuôi dưỡng cho đến khi chị H, anh Đ về Việt Nam. Bà H1, bà L đồng ý nhận ủy quyền của chị H, anh Đ. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của chị H và anh Đ. Tạm giao cháu Nguyễn Thị Phương T1 cho bà Nguyễn Thị H1; tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Mai A cho bà Đàm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H, anh Đ không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 23/9/2016; giao cho anh Nguyễn Đình Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Mai A, sinh ngày 08/10/2019 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Phương T1 cho bà Nguyễn Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu Mai A cho bà Đàm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H, anh Đ không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003987 ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đình Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất

